

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ GIANG Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 158/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng năm 2015 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVI- KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) của tỉnh Hà Giang;

Sau khi xem xét Tờ trình số 255/TTr-UBND ngày 01/12/2014 và Tờ trình số 231/TTr-UBND ngày 03/12/2014 của UBND tỉnh Hà Giang về thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng năm 2015 trên địa bàn tỉnh Hà Giang và Báo cáo thẩm tra số 128/BC-HĐND ngày 08/12/2014 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đã thảo luận và nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng năm 2015 trên địa bàn tỉnh Hà Giang, cụ thể như sau:

1. Tổng số công trình, dự án thực hiện năm 2015 là 162 công trình, dự án, với diện tích thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất 1.964,28 ha, trong đó:

- a) Đất trồng lúa: 34.87 ha;
- b) Đất rừng đặc dụng 3,11 ha;
- c) Đất rừng phòng hộ 0,23 ha;

d) Các loại đất khác 1.926,07 ha. (bao gồm: đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm, đất phi nông nghiệp, đất tập thể quản lý...)

2. Tổng kinh phí dự kiến bồi thường, giải phóng mặt bằng là 114,88 tỷ đồng. Trong đó:

- a) Nguồn ngân sách tỉnh 11,45 tỷ đồng;
- b) Nguồn ngân sách huyện 1,72 tỷ đồng;
- c) Nguồn vốn khác 101,71 tỷ đồng.


(Có Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2014.

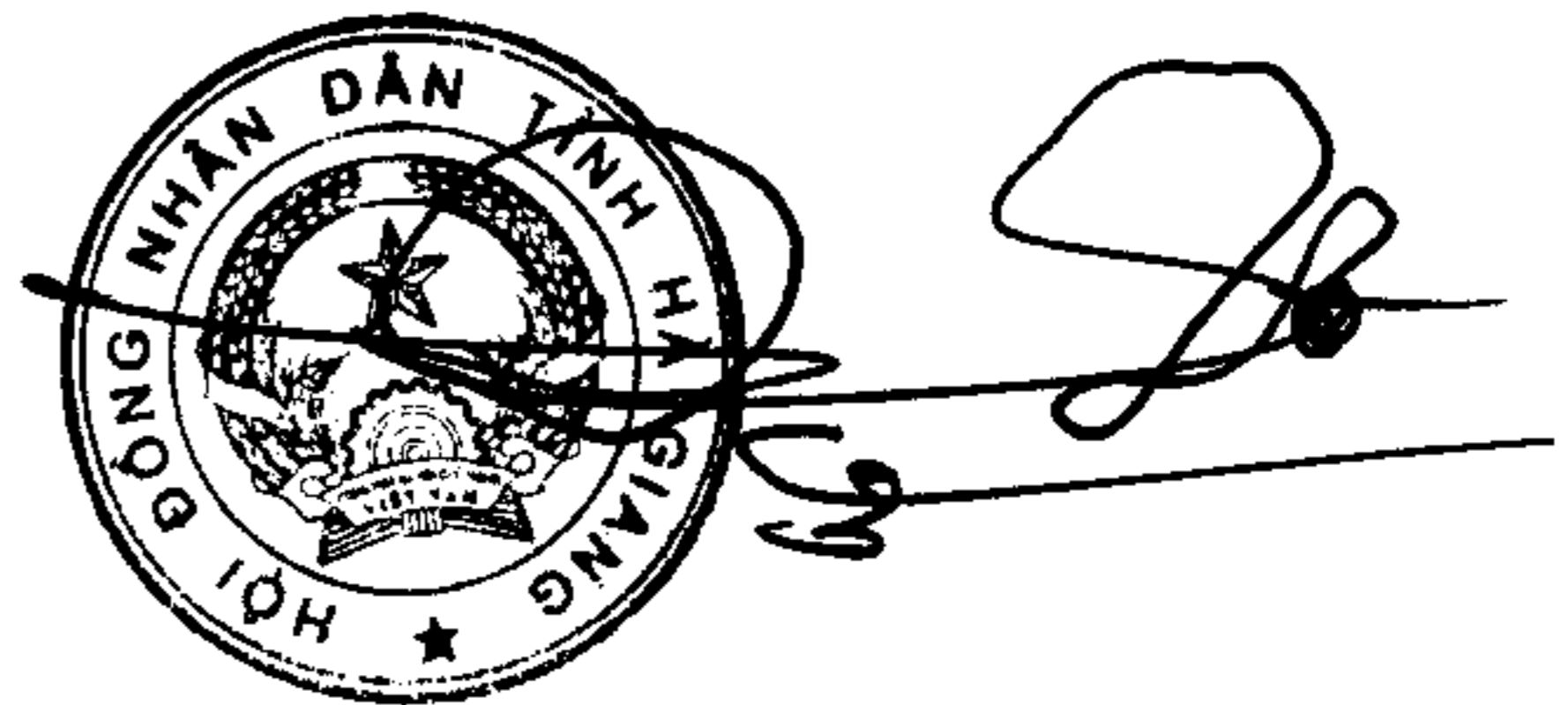
Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khóa XVI – Kỳ họp thứ 13 thông qua./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTr. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIII tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa XVI;
- Các Sở, Ban, ngành, UBMTTQ và đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH&HĐND; UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Vương Mí Vàng

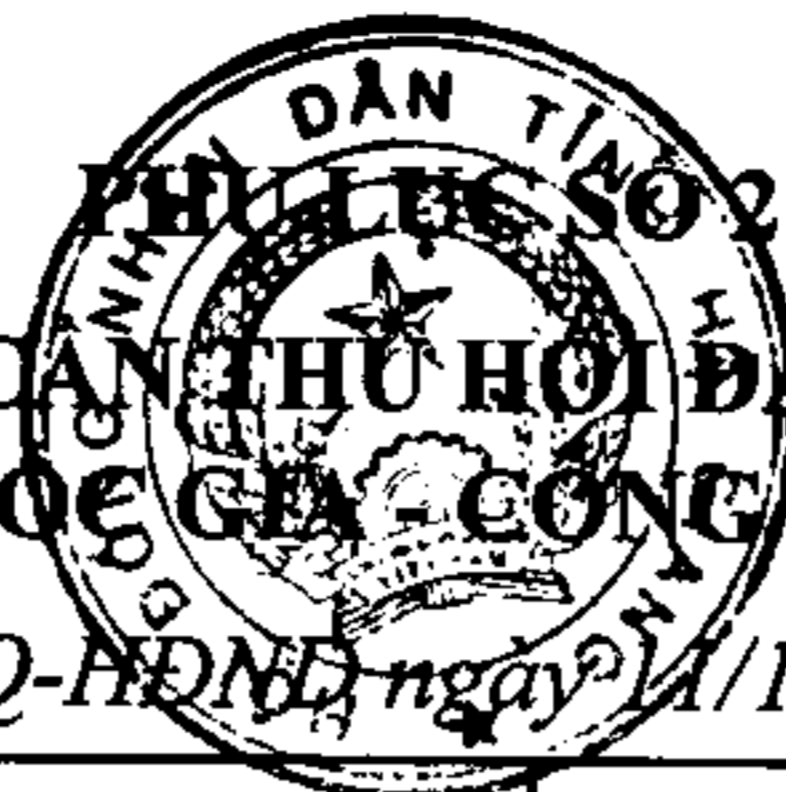
PHỤ LỤC SỐ 01



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THỰC HIỆN ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KT-XH VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA - CÔNG CỘNG NĂM 2015 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số: 158/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh Hà Giang)

STT	Dự án, công trình thực hiện trên địa bàn(Huyện)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Tổng số dự án	Ghi Chú
			Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng PH (m2)	Diện tích đất khác (m2)		
	Toàn tỉnh	19.642.799,6	348.663,3	31.132,0	2.278,0	19.260.726,3	162	
1	TP. Hà Giang	261.788,8	87.080,0	50,0	62,0	174.596,8	27	
2	H. Đồng Văn	15.752,2	2.970,7	-	-	12.781,5	11	
3	H. Mèo Vạc	588.748,0	22.340,0	46,0	10,0	566.352,0	12	
4	H. Yên Minh	145.411,0	1.066,0	330,0	330,0	143.685,0	9	
5	H. Quản Bạ	8.250,3	2.050,3	-	-	6.200,0	4	
6	H. Vị Xuyên	1.474.954,0	92.896,0	30.070,0	1.266,0	1.350.722,0	21	
7	Huyện Bắc Mê	15.212.453,3	152,0	136,0	100,0	15.212.065,3	28	
8	H. Hoàng Su Phì	80.312,0	72,0	30,0	30,0	80.180,0	7	
9	Huyện Xín Mần	515.637,0	407,0	260,0	250,0	514.720,0	9	
10	H. Bắc Quang	635.494,3	8.819,3	160,0	180,0	626.335,0	29	
11	H. Quang Bình	703.998,7	130.810,0	50,0	50,0	573.088,7	5	



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÁN THU HỒI ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KT-XH VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA - CÔNG CỘNG NĂM 2015 THÀNH PHỐ HÀ GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số: 158/NQ-HĐND, ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m ²)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m ²)	Diện tích đất khác (m ²)	
	TP. Hà Giang	261.788,8	87.080,0	50,0	62,0	174.596,8	
1	Nhà văn hóa tổ 6, phường Ngọc Hà	300,0				300,0	
2	Xây dựng trụ sở Hội người cao tuổi phường Nguyễn Trãi	200,0				200,0	
3	Trường trung học cơ sở Lê Quý Đôn - xã Phương Thiện	3.993,0				3.993,0	
4	Thu hồi đất để xây dựng khu tái định cư và công viên mi ni (các ao giáp nhà văn hóa tổ 1, phường Ngọc Hà)	1.861,0				1.861,0	
5	Thu hồi đất để xây dựng Trường Tiểu học Minh Khai 2 (Kim Đông) , phường Minh Khai	5.051,0				5.051,0	
6	Thu hồi đất quy hoạch dân cư Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh, phường Quang Trung	28.994,0				28.994,0	
7	Thu hồi đất để giao cho UBND TP bán đấu giá quyền sử dụng đất, tổ 7 Phường Quang Trung	64.951,5				64.951,5	
8	Xây dựng Chi cục Thuế thành phố, phường Minh Khai	2.464,2				2.464,2	

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m2)	Diện tích đất khác (m2)	
9	Thu hồi đất để xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng thuộc Sở Nội vụ, xã Phương Thiện	5.242,3				5.242,3	
10	Nhà Làm việc và phòng khám quản lý sức khỏe cán bộ tỉnh, phường Minh Khai	1.300,0				1.300,0	
11	Xây dựng Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, phường Quang Trung	1.000,0				1.000,0	
12	Thu hồi đất để mở đường tại khu vực tổ 1, 2 phường Nguyễn Trãi	8.235,2				8.235,2	
13	Dự án Hợp khối trụ sở làm việc các cơ quan hành chính của tỉnh, P Nguyễn Trãi	10.000,0				10.000,0	
14	Mở rộng bệnh viện Y dược cổ truyền, phường Quang Trung	5.929,0				5.929,0	
15	Thu hồi đất để thực hiện dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Hà Giang, phường Minh Khai	20.198,0				20.198,0	
16	Rãnh thoát nước đường Phạm Ngọc Thạch, phường Minh Khai	690,0				690,0	
17	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông dọc 2 bờ sông Lô: đoạn từ cầu Yên Biên I đến đầu cầu Yên Biên II, phường Nguyễn Trãi	1.750,0				1.750,0	
18	Rãnh thoát nước từ ngã ba quốc lộ 2 vào Trung tâm xã Phương Thiện	76,0				76,0	

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m ²)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m ²)	Diện tích đất khác (m ²)	
19	Cấp điện cho cơ quan Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, phường Nguyễn Trãi	82,0		40,0	42,0		
20	Chống quá tải TBA Thái Hà, xã Ngọc Đường	76,0	26,0	10,0	20,0	20,0	
21	Chống quá tải TBA cây xăng Minh Khai, phường Minh Khai	40,0				40,0	
22	Chống quá tải TBA bãi đá Minh Khai, phường Minh Khai	40,0				40,0	
23	Chống quá tải TBA Biên Phòng - Phường Nguyễn Trãi	40,0				40,0	
24	Xây dựng đường điện 35kV, lộ 374, 375 TBA 110kV, phường Minh Khai	121,6				121,6	
25	Cấp điện thôn Cao Bành - xã Phương Thiện	154,0	54,0			100,0	
26	Nhà điều hành của truyền tải điện Thái Nguyên, xã Ngọc Đường	3.000,0				3.000,0	
27	Thu hồi đất để xây dựng khu dân cư đô thị mới xã Phương Thiện	96.000,0	87.000,0			9.000,0	

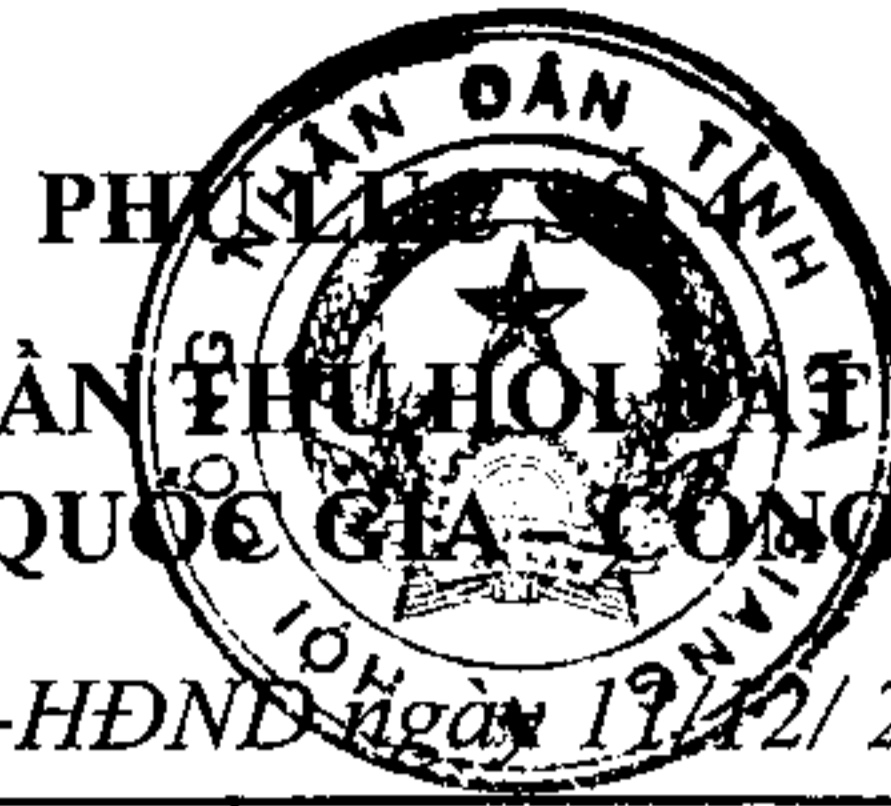
PHỤ LỤC SỐ 3



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KT - XH VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA CÔNG NGHỆ CÔNG NĂM 2015 HUYỆN ĐỒNG VĂN

(Kèm theo Nghị quyết số: 158/NQ-HĐND ngày 17/2/2014 của HĐND Tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m ²)	Diện tích đất rừng phòng hộ	Diện tích đất khác (m ²)	
	Huyện Đồng Văn	15.752,2	2.970,7	0,0	0,0	12.781,5	
1	Bến xe khách huyện tại thị trấn Đồng Văn	3.560,0	1.860,5			1.699,5	
2	Chống quá tải cho TBA 180KVA 35/0,4KV Phố cổ, thị trấn Đồng văn	56,0				56,0	
3	Chống quá tải cho TBA 100KVA35/0,4KV UB xã Tả Phìn	56,0				56,0	
4	Chống quá tải cho TBA 100KVA 35/0,4KV Đoàn Kết, thị trấn Đồng Văn	40,0				40,0	
5	Mở rộng và cải tạo lưới điện các xã vùng sâu, vùng xa vốn vay ADB tại các xã Sủng Trái, Lũng Thầu, Tả Phìn, Tả Lũng	530,0				530,0	
6	Hồ chứa nước sinh hoạt thôn Pó Sả, xã Sủng Trái	2.500,0				2.500,0	
7	Hồ chứa nước sinh hoạt thôn Chúng Pả A, xã Phố Cáo	2.500,0				2.500,0	
8	Đường Giao thông nông thôn Ca Há xã Sính Lũng	4.000,0				4.000,0	
9	Trạm bảo vệ và Phòng chống cháy rừng - xã Ma Lé	600,0				600,0	
10	Trạm bảo vệ và Phòng chống cháy rừng- xã Tả Phìn	800,0				800,0	
11	Đồn công an Phó Bảng - TT. Phó Bảng	1.110,2	1.110,2				



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẢI THIỆN HỒI ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KT - XH VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA - CÔNG CỘNG NĂM 2015 HUYỆN MÈO VẠC

(Kèm theo Nghị quyết số: 158/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m ²)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m ²)	Diện tích đất khác (m ²)	
	Huyện Mèo Vạc	588.748,0	22.340,0	46,0	10,0	566.352,0	
1	Hồ thôn Sủng quang, xã Sủng Máng	4.500,0	0,0	0,0	0,0	4.500,0	
2	Hồ chứa nước sinh hoạt thôn Tì Chí Dừa, thị trấn Mèo Vạc	2.040,0	0,0	0,0	0,0	2.040,0	
3	Trạm bảo vệ và Phòng chống cháy rừng xã Lũng Chinh	400,0				400,0	
4	Trạm bảo vệ và Phòng chống cháy rừng xã Tả Lũng	400,0				400,0	
5	Hạ tầng BTS Nậm Ban, xã Nậm Ban	800,0	0,0	0,0	0,0	800,0	
6	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xã vốn vay ADB tại các xã Pải Lũng, Giàng Chu Phìn, Tả Lũng, Lũng Pù	400,0	100,0	0,0	0,0	300,0	
7	Chống quá tải TBA UB xã Niêm Sơn	62,0	20,0	10,0	10,0	22,0	

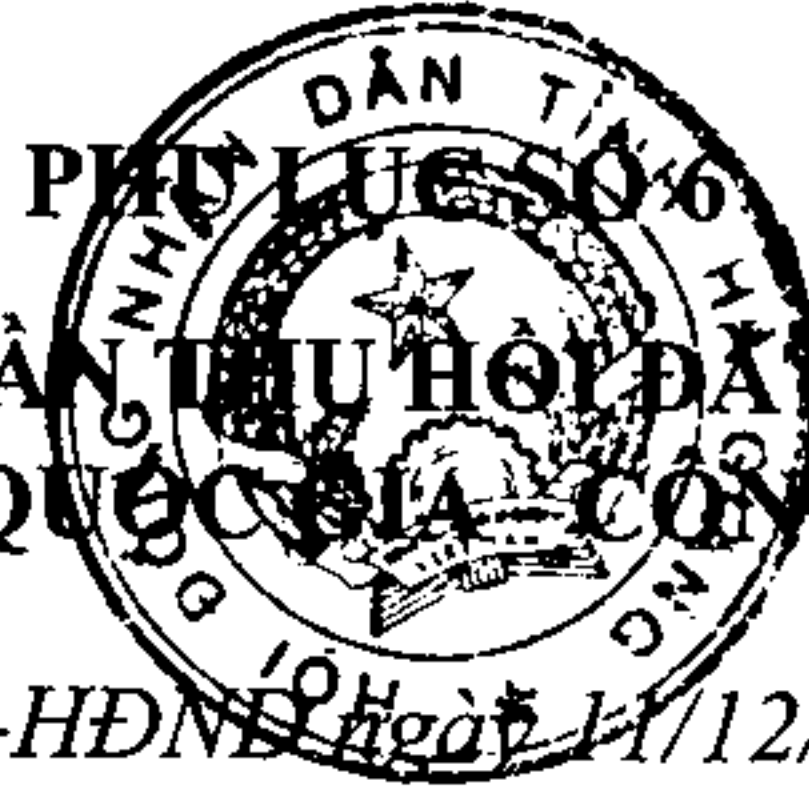
Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m ²)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m ²)	Diện tích đất khác (m ²)	
8	Giảm bán kính cấp điện cho TBA UB xã Nậm Ban	42,0	0,0	12,0	0,0	30,0	
9	Giảm bán kính cấp điện cho TBA Cán Chu Phìn, xã Cán Chu Phìn	52,0	10,0	12,0	0,0	30,0	
10	Giảm bán kính cấp điện cho TBA Khâu Vai, xã Khâu Vai	52,0	10,0	12,0	0,0	30,0	
11	Thủy điện Nho Quế 1, Xã Pả Vi, Pải Lũng, Xín Cái, Thượng Phùng	250.000,0	22.200,0	0,0	0,0	227.800,0	
12	Thủy điện Nho Quế 2, Xã Cán Chu Phìn, Giàng Chu Phìn, Lũng Pù, Xín Cái	330.000,0	0,0	0,0	0,0	330.000,0	

PHỤ LỤC

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THIẾT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐỂ PHÁT TRIỂN KT-XH VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA CÔNG TRÌNH CÔNG NĂM 2015 HUYỆN YÊN MINH**

(Kèm theo Nghị quyết số: 158/NQ-HĐND ngày 12/2/2014 của HĐND tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m ²)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m ²)	Diện tích đất khác (m ²)	
	Huyện Yên Minh	145.411,0	1.066,0	330,0	330,0	143.685,0	
1	Hồ chứa nước thôn Phiêng Đé xã Mậu Duệ	2.000,0				2.000,0	
2	Hồ chứa nước sinh hoạt B3 xã Phú lũng	3.000,0				3.000,0	
3	Dự án Bãi rác thải Yên Minh - xã Hữu Vinh	35.000,0				35.000,0	
4	Đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (<i>địa phận huyện Yên Minh</i>)	103.163,0				103.163,0	
5	Trụ sở làm việc Bảo hiểm xã hội huyện Yên Minh, thị trấn Yên Minh	900,0	900,0				
6	Cấp điện nông thôn cho xóm Bản Ròi, Thảm Cang, xã Ngọc Long, huyện Yên Minh	90,0	20,0	20,0	20,0	30,0	
7	Chống quá tải khu vực Bưu điện xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh	48,0	18,0	10,0	10,0	10,0	
8	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xa vốn vay ADB tại các xã, Bạch Đích, Na Khê, Lũng Hồ, Du Già, Du Tiến	1.028,0	128,0	300,0	300,0	300,0	
9	Cấp điện thôn Chế Quả - Nà Ván - xã Lao và Chải	182,0				182,0	



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐỂ PHÁT TRIỂN KT - XH VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA - CÔNG CỘNG NĂM 2015 HUYỆN QUẢN BẠ**

(Kèm theo Nghị quyết số: 158 /NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m ²)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m ²)	Diện tích đất khác (m ²)	
	Huyện Quản Bạ	8.250,3	2.050,3	0,0	0,0	6.200,0	
1	Hồ chứa nước sinh hoạt thôn Khung Nhung xã Quản Bạ	5.000,0				5.000,0	
2	Bãi rác thải xã Tùng Vài (<i>ứng dụng công nghệ lò đốt rác thải</i>)	1.000,0				1.000,0	
3	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xa vốn vay ADB tại xã Quản Bạ	250,0	50,0			200,0	
4	Nhà tạm giam, tạm giữ Công an huyện Quản Bạ, thị trấn Tam Sơn	2.000,3	2.000,3				

PHỤ LỤC SỐ

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẢI THIỆN ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KT - XH VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA - CỘNG CỘNG NĂM 2015 HUYỆN VỊ XUYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số: 158/NQ-HĐND ngày 17/6/2014 của HĐND tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m ²)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m ²)	Diện tích đất khác (m ²)	
	Huyện Vị Xuyên	1.474.954,0	92.896,0	30.070,0	1.266,0	1.350.722,0	
1	Dự án xây dựng Chợ biên giới Nà La, xã Thanh Thủy	11.000,0		0,0	0,0	11.000,0	
2	Mỏ đá vôi Nà Cáy thôn Giang Nam, xã Thanh Thủy	1.226,0			1.226,0		
3	Đường từ ngã ba Ngọc Linh - Linh Hồ đi xã Phú Linh	64.232,0	12.500,0			51.732,0	
4	Đường vào thao trường diễn tập thôn Bản Lù, xã Kim Thạch	4.458,0	264,0			4.194,0	
5	Hạt bảo vệ và phòng chống chữa cháy rừng cấp bách huyện Vị Xuyên	700,0				700,0	
6	Cải Tạo Nâng cấp đường và xây dựng công viên cây xăng, đài phun nước + hệ thống chiếu sáng khu vui chơi người cao tuổi thị trấn Vị Xuyên	5.400,0				5.400,0	
7	Chống quá tải trạm biến áp Lũng Pục, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên	92,0	32,0	30,0	30,0		
8	Chống quá tải trạm biến áp Nà Lách, xã Linh Hồ, huyện Vị Xuyên	10,0	10,0				

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m2)	Diện tích đất khác (m2)	
9	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xa vốn ADB tại xã Trung Thành	38,0	18,0	10,0	10,0		
10	Chống quá tải trạm biến áp Phú Linh	6,0	6,0	0,0	0,0		
11	Chống quá tải trạm biến áp Nà Lách (mới) xã Linh Hồ	6,0	6,0	0,0	0,0		
12	Chống quá tải trạm biến áp Hồng Minh, xã Tùng Bá	46,0	26,0	20,0	0,0		
13	Chống quá tải trạm biến áp thôn Lèn 2, xã Việt Lâm, huyện Vị Xuyên	26,0	16,0	10,0	0,0		
14	Chống quá tải trạm biến áp thôn Mường, xã Bạch Ngọc, huyện Vị Xuyên	6,0	6,0	0,0	0,0		
15	Chống quá tải trạm biến áp UBND xã Ngọc Minh	6,0	6,0	0,0	0,0		
16	Chống quá tải trạm biến áp Nông Trường, thị trấn Việt Lâm	6,0	6,0	0,0	0,0		
17	Nhà máy sơ chế dược liệu và sản xuất nước hoa quả	6.300,0				6.300,0	
18	Thủy điện Nậm Mạ 1, xã Tùng Bá	130.000,0		30.000,0		100.000,0	
19	Thủy điện Sông Lô 2, xã Đạo Đức	50.000,0				50.000,0	
20	Khu công nghiệp Bình Vàng, xã Đạo Đức	1.127.700,0	80.000,0			1.047.700,0	
21	Chùa Nậm Dầu, xã Ngọc Linh	73.696,0				73.696,0	



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÁN THU HỒI ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐỀ PHÁT TRIỂN KT - XH VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA - CÔNG CỘNG NĂM 2015 HUYỆN BẮC MÊ**

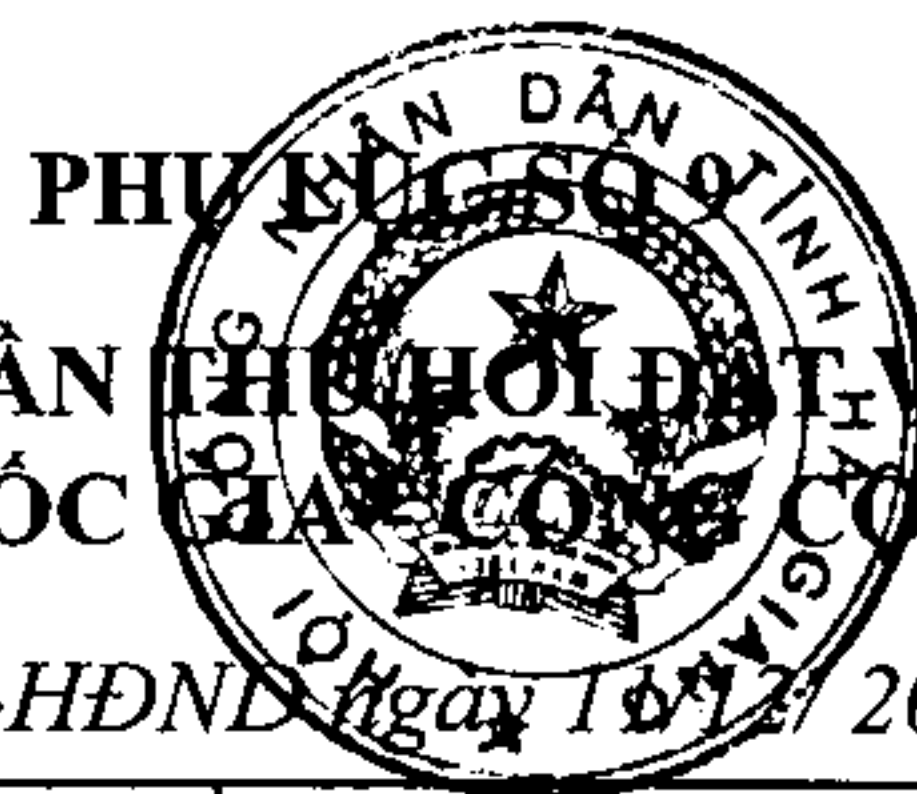
(Kèm theo Nghị quyết số: 158 /NQ-HĐND ngày 11/12/ 2014 của HĐND Tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m ²)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m ²)	Diện tích đất khác (m ²)	
	Huyện Bắc Mê	15.212.453,3	152,0	136,0	100,0	15.212.065,3	
1	Đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (176 A) địa phận huyện Bắc Mê	100.000,0				100.000,0	
2	Dự án trường dạy nghề huyện Bắc Mê (xã Lạc Nông)	15.000,0				15.000,0	
3	Xây dựng nhà văn hóa tổ khu phố (tổ 3+ 4) thị trấn Yên Phú	1.000,0				1.000,0	
4	Xây dựng chợ xép Pắc Mìa , thị trấn Yên Phú	700,0				700,0	
5	Nâng cấp mở rộng đường từ thôn Thôm Khiêu đến thôn Bản Vàn xã Giáp Trung và xã Minh Sơn	20.000,0				20.000,0	
6	Nâng cấp mở rộng đường Giáp Yên, Lùng Éo, thị trấn Yên Phú	32.000,0				32.000,0	
7	Nâng cấp mở rộng đường từ xưởng cưa ông Hoài lên quốc lộ 34 thôn Nà Xá, xã Yên Định	1.000,0				1.000,0	

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m2)	Diện tích đất khác (m2)	
8	Nâng cấp mở rộng đường từ trường tiểu học đi qua khu xóm cọt tới khu ruộng thôn Bản Loan, xã Yên Định	2.000,0				2.000,0	
9	Nâng cấp mở rộng đường từ trung tâm đi đến cuối thôn và khu ruộng thôn Nà Han, xã Yên Định	8.000,0				8.000,0	
10	Nâng cấp mở rộng đường vành đai thôn Bắc Bừu, xã Yên Định	10.000,0				10.000,0	
11	Nâng cấp mở rộng đường cạnh nhà ông Hồng ra ruộng thôn Nà Yên, xã Yên Định	2.000,0				2.000,0	
12	Nâng cấp mở rộng đường dọc theo suối từ quốc lộ 34 đi thôn Nà Yên, xã Yên Định	1.000,0				1.000,0	
13	Nâng cấp mở rộng đường nội thôn Bản Đuốc, xã Yên Phong	10.000,0				10.000,0	
14	Nâng cấp mở rộng đường nội thôn Thum Khun, xã Yên Phong	8.000,0				8.000,0	
15	Nâng cấp mở rộng đường nội thôn Thanh Tâm, xã Yên Phong	8.000,0				8.000,0	
16	Chống quá tải TBA Tân Khâu, xã Phú Nam	52,0	10,0	12,0		30,0	

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m2)	Diện tích đất khác (m2)	
17	Chống quá tải TBA, xã Yên Định	52,0	10,0	12,0		30,0	
18	Chống quá tải TBA, xã Minh Sơn	52,0	10,0	12,0		30,0	
19	Cấp điện thôn Bản Kẹp B, xã Minh Sơn	52,0	22,0			30,0	
20	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xã vốn vay ADB tại các xã Yên Cường, Đường Am, Phú Nam, thị trấn Yên Phú	800,0	100,0	100,0	100,0	500,0	
21	Dự án thủy điện Bắc Mê xã Yên Phong + thị trấn Yên Phú	4.092.400,0				4.092.400,0	
22	Dự án khai thác và tuyển quặng Mangan Bản Sáp, thị trấn Yên Phú	307.503,1				307.503,1	
23	Hạng mục xây dựng xưởng tuyển và mở đường lên mỏ quặng Mangan Bản Sáp, thị trấn Yên Phú	28.588,9				28.588,9	
24	Dự án khai thác quặng sắt thân quặng I mỏ sắt Suối Thầu, xã Minh Sơn	468.023,2				468.023,2	

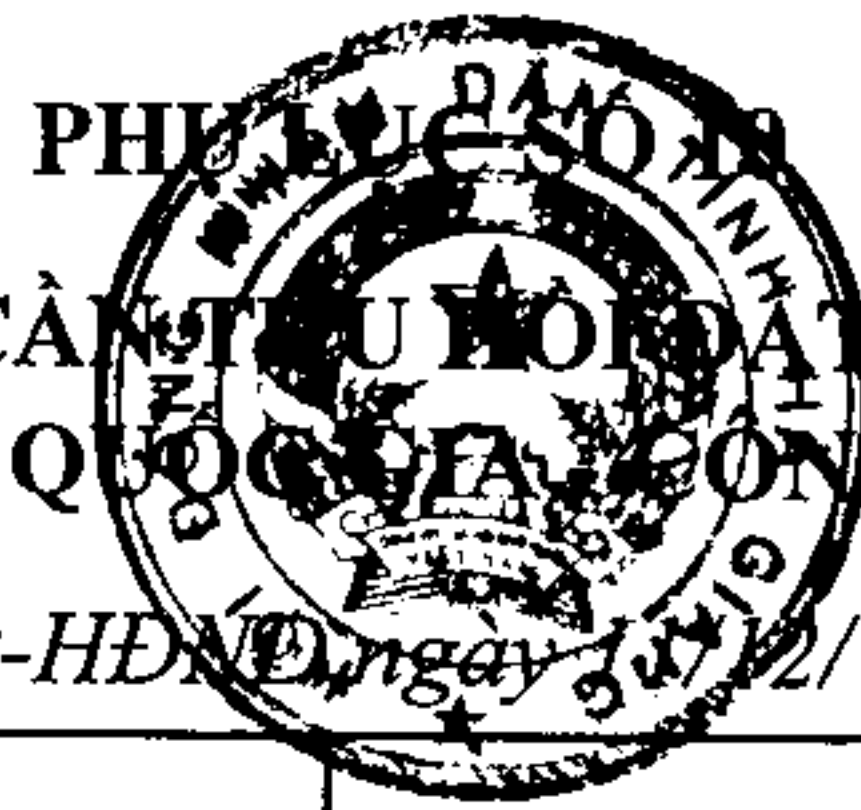
Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m2)	Diện tích đất khác (m2)	
25	Dự án khai thác quặng sắt (<i>xây dựng xưởng tuyển và bãi đổ thải</i>) thôn Ngọc Trì, xã Minh Sơn	196.230,1				196.230,1	
26	Thu hồi đất cho công ty cổ phần thương mại và đầu tư Đa Phương thuê để trồng rừng sản xuất tại các xã của huyện Bắc Mê	9.000.000,0				9.000.000,0	
27	Dự án xây dựng khu trang trại chăn nuôi gia súc tập trung, thị trấn Yên Phú	600.000,0				600.000,0	
28	Thu hồi đất để cho các tổ chức thuê chăn nuôi trâu bò tập trung, thị trấn Yên Phú	300.000,0				300.000,0	



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KT - XH VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA CÔNG NĂM 2015 HUYỆN HOÀNG SU PHÌ

(Kèm theo Nghị quyết số: 158/NQ-HĐND ngày 15/12/2014 của HĐND tỉnh Hà Giang)

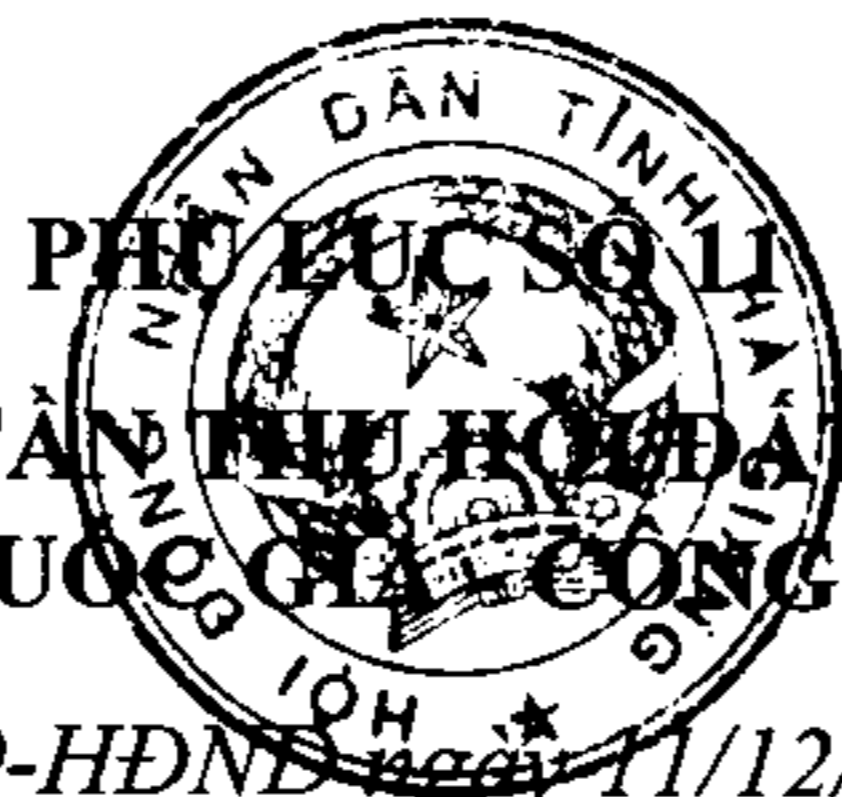
Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m ²)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m ²)	Diện tích đất khác (m ²)	
	Huyện Hoàng Su Phì	80.312,0	72,0	30,0	30,0	80.180,0	
1	Đường giao thông nông thôn Tả Chải xã Túng Sán	10.000,0				10.000,0	
2	Chống quá tải TBA Huyện uỷ Hoàng Su Phì, TT Vinh Quang	40,0	10,0			30,0	
3	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xa vốn vay ADB tại các xã, Sán Xà Hồ, Bản Nhùng	58,0	18,0	10,0	10,0	20,0	
4	Chống quá tải TBA UBND xã Tân Tiến	42,0	12,0			30,0	
5	Chống quá tải TBA UBND xã Túng Sán	86,0	16,0	10,0	10,0	50,0	
6	Chống quá tải TBA U Khú sủ, xã Tụ Nhân	86,0	16,0	10,0	10,0	50,0	
7	Dự án cây dược liệu xã Hồ Thầu	70.000,0				70.000,0	



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẢI THIỆN HOÀN THIỆN VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KT - XH VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA VÀ CÔNG CỘNG NĂM 2015 HUYỆN XÍN MÀN

(Kèm theo Nghị quyết số: 158/NQ-HĐND, ngày 30/12/2014 của HĐND tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m ²)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m ²)	Diện tích đất khác (m ²)	
	Huyện Xín Mần	515.637,0	407,0	260,0	250,0	514.720,0	
1	Nâng cấp đường du lịch từ km 10 Cốc Pài, Nám Dẩn đến bãi đá cổ xã Nám Dẩn	14.500,0				14.500,0	
2	Chống quá tải TBA UBND xã Nà Chì	62,0	20,0	10,0	10,0	22,0	
3	Cấp điện cho thôn Tân Sơn, xã Tả Nhìu	40,0	10,0			30,0	
4	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xa vốn vay ADB tại các xã Nà Chì, xã Nàn Ma, xã Thèn Phàng	739,0	302,0	200,0	200,0	37,0	
5	Chống quá tải TBA UBND xã Nà Chì (Khu truyền hình và bệnh viện)	50,0	20,0			30,0	
6	Chống quá tải TBA UBND xã Nà Chì (Thôn Tân Sơn)	90,0	20,0	20,0	20,0	30,0	
7	Chống quá tải TBA UBND xã Quảng Nguyên (thôn Quảng Thượng)	100,0	25,0	20,0	20,0	35,0	
8	Chống quá tải TBA Phố Hà, xã Trung Thịnh	56,0	10,0	10,0		36,0	
9	Dự án dược liệu Chiêu Lâu Thi, xã Thu Tà	500.000,0				500.000,0	



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐỂ PHÁT TRIỂN KT - XH VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA CÔNG CỘNG NĂM 2015 HUYỆN BẮC QUANG**

(Kèm theo Nghị quyết số: 158/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m ²)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m ²)	Diện tích đất khác (m ²)	
	Huyện Bắc Quang	635.494,3	8.819,3	160,0	180,0	626.335,0	
1	Thu hồi đất để mở rộng đường Kim Ngọc - Đồng Tâm - Đồng Tiến	66.390,3				66.390,3	
2	Đường tỉnh lộ 183 (địa phận huyện Bắc Quang)	49.500,0	4.500,0			45.000,0	
3	Chống quá tải TBA Phố Sào Kim Ngọc	132,0	32,0	30,0	30,0	40,0	
4	Chống quá tải TBA UB Kim Ngọc, xã Kim Ngọc	62,0	20,0	10,0	10,0	22,0	
5	Chống quá tải TBA UB thôn Thượng, xã Đồng Tâm	40,0	10,0			30,0	
6	Chống quá tải TBA UB Quang Minh 2, xã Quang Minh	30,0				30,0	
7	Chống quá tải TBA thôn Khiêm, xã Quang Minh	48,0	18,0	10,0	10,0	10,0	
8	Chống quá tải TBA Minh Tiến + Trạm bơm xã Quang Minh	40,0	10,0			30,0	

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m2)	Diện tích đất khác (m2)	
9	Chống quá tải TBA Thôn Kè Nhận, xã Đồng Yên	40,0	10,0			30,0	
10	Cấp điện thôn Buột, xã Đồng Tiến	76,0	26,0	10,0	20,0	20,0	
11	Chống quá tải TBA Hùng Thắng, xã Hùng An	74,0	24,0	10,0	10,0	30,0	
12	Chống quá tải TBA Đá Bàn, xã Hùng An	76,0	26,0	10,0	20,0	20,0	
13	Chống quá tải TBA Cơ Khí + Bệnh Viện	48,0	18,0	10,0	10,0	10,0	
14	Chống quá tải TBA Tân Thành 2, xã Tân Thành	40,0	10,0			30,0	
15	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xã vốn vay ADB tại các xã Vĩnh Phúc, Liên Hiệp	300,0	100,0			200,0	
16	Chống quá tải trạm biến áp Ngòi Cò + Quyết Tiến, xã Hùng An	76,0	16,0	10,0	10,0	40,0	
17	Chống quá tải TBA Hùng An 4+5, xã Hùng An	76,0	16,0	10,0	10,0	40,0	
18	Chống quá tải TBA Đá Bàn xã Hùng An	56,0	16,0	10,0	10,0	20,0	
19	Chống quá tải TBA Hùng Thắng xã Hùng An	60,0		10,0	10,0	40,0	

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m2)	Diện tích đất khác (m2)	
20	Chống quá tải TBA UB Việt Hồng xã Việt Hồng	76,0	16,0	10,0	10,0	40,0	
21	Chống quá tải TBA Cơ Khí cũ + Bệnh Viện thị trấn Việt Quang	76,0	16,0	10,0	10,0	40,0	
22	Chống quá tải TBA Cơ Khí mới + Bệnh Viện thị trấn Việt Quang	76,0	16,0	10,0	10,0	40,0	
23	Đường dây 35kv, TBA 35/0,4 cấp điện thôn Tân Lợi, xã Tân Thành	118,0	18,0			100,0	
24	Công trình Giáo xứ Tân Quang 2	1.704,7				1.704,7	
25	Chùa Tân Quang, xã Tân Quang	6.279,3	3.901,3			2.378,0	
26	Nhà máy thủy điện Sông Lô 4, xã Tân Thành	150.000,0				150.000,0	
27	Đường vào Thủy điện Sông lô 6 và công trình phụ trợ, thị trấn Vĩnh Tuy	150.000,0				150.000,0	
28	Nhà máy thủy điện Sông con 3, xã Tiên Kiều	150.000,0				150.000,0	
29	Xây dựng Tổng kho dược liệu của Công ty Bình Minh, xã Việt Vinh	60.000,0				60.000,0	

PHỤ LỤC



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KT - XH VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA VÀ CÔNG CỘNG NĂM 2015 HUYỆN QUANG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 158 /NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
			Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m ²)	Diện tích đất rừng phòng hộ (m ²)	Diện tích đất khác (m ²)	
	Huyện Quang Bình	703.998,7	130.810,0	50,0	50,0	573.088,7	
1	Dự án Bãi rác thải thị trấn Yên Bình	26.000,0	1.000,0			25.000,0	
2	Đường tỉnh lộ 183 (địa phận Quang Bình) xã Vĩ Thượng - Xuân Giang - Bằng Lang - thị trấn Yên Bình	56.700,0	5.700,0			51.000,0	
3	Chống quá tải TBA Yên Bình 3, huyện Quang Bình	40,0	10,0			30,0	
4	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xa vốn vay ADB tại các xã: Yên Hà, Bằng Lang, Vĩ Thượng, Tân Trịnh, thị trấn Yên Bình	300,0	100,0	50,0	50,0	100,0	
5	Lòng hồ thủy điện sông chùng, xã Tiên nguyên, Tân Nam, thị trấn Yên Bình	620.958,7	124.000,0			496.958,7	UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai